

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 176/CBTT
V/v công bố thông tin

Yên Bái, ngày 15 tháng 04 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
- Mã chứng khoán: CAP
- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
- Điện thoại: 02163.862.278 - Fax: 02163.862.804
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Sơn
- Điện thoại: 0944278586
- Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ
- Nội dung công bố thông tin:
 - Thông tin đã công bố số 109/CBTT ngày 29/03/2024: Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái, về việc “Quy chế phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024.
 - Thông tin công bố thay thế mới: Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái, về việc “Quy chế phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024. Phụ lục II: Danh sách đối tượng cổ phiếu thưởng phân phối cho cán bộ quản lý chủ chốt Công ty. Phụ lục III: Bảng tổng hợp số người và số lượng cổ phiếu thực hiện nhận của từng người.
- Địa chỉ Website đăng tải Quyết định tại www.yfatuf.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP



NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp HĐQT Công ty lần thứ 34, ngày 28/03/2024;

NGHỊ QUYẾT

Điều I: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái nhất trí thông qua nội dung dưới đây:

- Quy chế phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024 (Quy chế ESOP) (Phụ lục I kèm theo).

- Thông qua danh sách cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty theo Quy chế ESOP (Phụ lục II kèm theo).

- Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT và Giám đốc Công ty hoàn thiện các thủ tục phát hành theo quy định của pháp luật. Trường hợp các cơ quan quản lý nhà nước có yêu cầu sửa đổi quy chế này thì Chủ tịch HĐQT và Giám đốc Công ty được phép chỉnh sửa theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

Điều II: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc Công ty, Ban kiểm soát và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.



CHỦ TỊCH HĐQT

Trương Ngọc Biên

TV HĐQT

Lê Long Giang

TV HĐQT

Nguyễn Huy Thông

TV HĐQT

Hà Hải Yến

Theo UQ của Ông Nguyễn Quốc Trinh

TV HĐQT

TV HĐQT

Nguyễn Xuân Hồng

TV HĐQT

Trần Thanh Hà

Nguyễn Xuân Hồng

Trần Thanh Hà

Trương Thị Duyên

Theo UQ của Bà Hoàng Thị Bình

PHỤ LỤC I
QUY CHẾ
PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THƯỜNG THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2024
(QUY CHẾ ESOP)

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
(Ban hành kèm theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số: 14/NQ-HDQT ngày 28/03/2024)

Chương trình phát hành cổ phiếu thường theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024 (gọi tắt là chương trình ESOP) là chương trình được triển khai nhằm tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý chủ chốt cùng chia sẻ sự phát triển và thành công của Công ty thông qua việc sở hữu cổ phần của Công ty.

I. Mục đích của chương trình ESOP

- Ghi nhận sự nỗ lực và đóng góp của các cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty.
- Khuyến khích, nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của các cán bộ quản lý chủ chốt phấn đấu và chia sẻ những thành công của Công ty.
- Thu hút và giữ chân những cán bộ quản lý chủ chốt, tâm huyết, giàu năng lực, kinh nghiệm gắn bó lâu dài với Công ty.
- Tạo động lực để các cán bộ quản lý chủ chốt phát huy những ưu điểm, nỗ lực trong công việc, khắc phục những khó khăn để chỉ đạo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch của Công ty trong niên độ 2022-2023.

II. Cơ sở pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 118/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn thi hành một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.
- Điều lệ Công ty cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái.
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 184/NQ-ĐHCD của Công ty cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái ngày 30 tháng 11 năm 2023.
- Các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

III. Định nghĩa từ ngữ

Trong quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “Công ty”: Là Công ty cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái
- “Chương trình ESOP”: Là chương trình phát hành cổ phiếu thưởng của Công ty một cách trực tiếp cho các cán bộ quản lý chủ chốt.
- “CP”: Là Cổ phiếu
- “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng cổ đông Công ty
- “HDQT”: Là Hội đồng quản trị Công ty
- “BKS”: Là Ban kiểm soát Công ty
- “BGĐ”: Là Ban Giám đốc điều hành Công ty
- “Cán bộ quản lý chủ chốt”: Là các thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát; Ban giám đốc Công ty; Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty; Trưởng phòng, phó phòng chuyên môn nghiệp vụ; Giám đốc, phó giám đốc các nhà máy trực thuộc Công ty.
- “UBCKNN”: Là Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

IV. Nội dung chương trình ESOP

1. Thông tin về cổ phiếu ESOP

- Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP: 190.681 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 1.906.810.000 đồng
- Giá phát hành: 0 đồng/cổ phiếu
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành

2. Đối tượng áp dụng và tiêu chuẩn đánh giá

2.1. Đối tượng áp dụng:

- Cán bộ Lãnh đạo Công ty: Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Ban Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty chuyên trách.
- Cán bộ quản lý: Các thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát; Trưởng phòng + phó phòng chuyên môn nghiệp vụ; Giám đốc + phó giám đốc các nhà máy trực thuộc Công ty.
- Có thời gian tham gia Công tác tại các vị trí nêu trên trong niên độ 2022-2023 (từ 01/10/2022 đến 30/9/2023) và có tên trong danh sách CB CNV của Công ty tại thời điểm thông qua “Quy chế ESOP” này.

HDQT có toàn quyền quyết định lựa chọn đối tượng phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP và quy chế này. Quyết định của HDQT là quyết định cuối cùng để thực hiện chương trình ESOP.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá

- Là cán bộ quản lý chủ chốt giữ các chức vụ tại mục 2.1 trong niên độ 2022-2023 (từ ngày 01/10/2022 đến 30/9/2023).

- Theo số tháng mà cán bộ quản lý chủ chốt giữ vị trí công việc, thời gian làm công việc quản lý nào thì hưởng hệ số công việc tại vị trí công việc đấy.

- Theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong niên độ 2022-2023 được HĐQT, Hội đồng thi đua, khen thưởng của Công ty đánh giá.

3. Nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng

3.1. Phân phối theo cấp quản lý:

- Số lượng phân phối cho Cán bộ Lãnh đạo Công ty: 190.681 cổ phiếu x 65% = 123.943 cổ phiếu.

- Số lượng phân phối cho các cán bộ quản lý: 190.681 cổ phiếu – 123.942 cổ phiếu = 66.738 cổ phiếu.

3.2. Hệ số công việc theo vị trí (Hi):

* Đối với Cán bộ Lãnh đạo Công ty:

TT	Chức vụ	Hệ số công việc theo vị trí (Hi)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	17	
2	Giám đốc Công ty	15	
3	Phó giám đốc công ty	10,5	
4	Kế toán trưởng	5,5	
5	Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty chuyên trách	5,5	

* Đối với cán bộ quản lý:

TT	Chức vụ	Hệ số công việc theo vị trí (Hi)	Ghi chú
1	Thành viên HĐQT + Trưởng phòng + Trưởng BKS	2,6	
2	Giám đốc Nhà máy	1,73	
3	Thành viên BKS + Phó phòng + Phó giám đốc Nhà máy	1,0	

* Đối với những người làm nhiều vị trí chức vụ trong niên độ 2022-2023 thì thời điểm làm vị trí chức vụ nào tính theo hệ số công việc vị trí đó. Đối với những người kiêm nhiệm nhiều vị trí chức vụ trong Công ty thì hệ số công việc được tính cho một vị trí có hệ số cao nhất.

3.3. Tỷ lệ phân phối cho từng đối tượng (Mi):

* Đối với Cán bộ Lãnh đạo Công ty:

$$Mi = \frac{65\%}{\sum(Hi)} \times (Hi)$$

TT	Chức vụ	Tỷ lệ phân phối (Mi)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	16,01	
2	Giám đốc Công ty	14,13	
3	Phó giám đốc công ty	9,89	
4	Kế toán trưởng	5,18	
5	Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty chuyên trách	5,18	

* Đối với cán bộ quản lý:

$$Mi = \frac{35\%}{\sum(Hi)} \times (Hi)$$

TT	Chức vụ	Tỷ lệ phân phối (Mi)	Ghi chú
1	Thành viên HĐQT + Trưởng phòng + Trưởng BKS	2,14	
2	Giám đốc Nhà máy	1,42	
3	Thành viên BKS + Phó phòng + Phó giám đốc Nhà máy	0,82	

3.4. Hệ số phân phối theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ niên độ 2022-2023 (Ci):

TT	Mức độ hoàn thành công việc	Hệ số phân phối (Ci)	Ghi chú
1	Hoàn thành nhiệm vụ	1	
2	Chưa hoàn thành nhiệm vụ	0,8	
3	Yếu, kém	0,5	
4	Vi phạm, kỷ luật	0	

3.5. Số lượng cổ phiếu phân phối cho từng người:

- Đối với Cán bộ Lãnh đạo Công ty:

$$i \text{ (ESOP)} = \frac{123.943 \text{ CP}}{\sum(\text{Mi} \times \text{Ti} \times \text{Ci})} \times (\text{Mi} \times \text{Ti} \times \text{Ci})$$

i: Là số cổ phiếu của người lao động được nhận theo chương trình ESOP

Mi: Tỷ lệ phân phối của từng người

Ti: Số tháng đảm nhận tại vị trí chức vụ trong niên độ 2022-2023

Ci: Là hệ số hoàn thành công việc niên độ 2022-2023 (theo đánh giá của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty)

- Đối với Cán bộ quản lý:

$$i \text{ (ESOP)} = \frac{66.738 \text{ CP}}{\sum(\text{Mi} \times \text{Ti} \times \text{Ci})} \times (\text{Mi} \times \text{Ti} \times \text{Ci})$$

i: Là số cổ phiếu của người lao động được nhận theo chương trình ESOP

Mi: Tỷ lệ phân phối của từng người

Ti: Số tháng đảm nhận tại vị trí chức vụ trong niên độ 2022-2023

Ci: Là hệ số hoàn thành công việc niên độ 2022-2023 (theo đánh giá của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty)

3.6. Nguyên tắc làm tròn:

- Số cổ phiếu được phân chia tới từng người lao động được làm tròn đến hàng đơn vị. Ví dụ Ông Nguyễn Văn A theo công thức trên được nhận 16.806,73 cổ phần, theo nguyên tắc làm tròn thì Ông Nguyễn Văn A được nhận 16.806 cổ phiếu thưởng.

- Số cổ phiếu lẻ sau khi đã làm tròn (nếu có) sẽ được phân phối cho người có hệ số công việc theo vị trí cao nhất.

4. Quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia chương trình ESOP

- Được hưởng đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

- Có nghĩa vụ công bố thông tin, nộp thuế và các chi phí khác (nếu có) theo quy định của Pháp luật liên quan đến số cổ phiếu theo Chương trình ESOP.

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo Quy định tại Quy chế này.

5. Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế của niên độ 2022-2023 tại Báo cáo tài chính tổng hợp chi năm tài chính kết thúc vào ngày 30/9/2023 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái.

6. Hạn chế chuyển nhượng

Cổ phiếu thưởng theo chương trình ESOP này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

V. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế ESOP

- Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT là cơ quan cao nhất có quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động sao cho phù hợp với tình hình thực tế và theo quy định của Pháp luật.

- Trường hợp văn bản pháp luật có quy định mới liên quan đến việc phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình ESOP thì Quy chế này sẽ được điều chỉnh cho phù hợp.

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG

CÓ PHIẾU THƯỜNG PHẦN PHỐI CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ CHỦ CHỐT CÔNG TY

(Kèm theo Quy chế phát hành cổ phiếu thường theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024)

TT	Họ, tên	Chức vụ	Hệ số theo vị trí công việc	Tỷ lệ phần phối thường	Số tháng đảm nhận tại vị trí công việc	Hệ số phân phối theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ	Tổng hệ số phân phối	Số cổ phần ESOP phân phối cho từng người	Số cổ phần được nhận theo nguyên tắc làm tròn	Số cổ phần lẻ sau nguyên tắc làm tròn	Phân phối cổ phần lẻ	Tổng số cổ phần thực nhận theo ESOP	Ghi chú
1	2	3	Hi	Mi	Ti	Ci	8=5*6*7	9	10	11=9-	12	13=10+12	13
Cán bộ Lãnh đạo Công ty													
1	Trương Ngọc Biên	CT HĐQT chuyên trách	69,00	65,00			656,50	123.943,0	123.941,0	2,0	12,0	123.953	
2	Lê Long Giang	TV HĐQT - Giám đốc CT	17,00	16,01	12,00	1,00	192,17	36.281,2	36.281,0	0,2	12,0	36.293	
3	Nguyễn Huy Thông	PGĐ CT	15,00	14,13	12,00	0,80	135,65	25.610,3	25.610,0	0,3		25.610	
4	Nguyễn Văn Trữ	PGĐ CT	10,50	9,89	12,00	0,80	94,96	17.927,2	17.927,0	0,2		17.927	
5	Hà Hải Yến	PGĐ CT	10,50	9,89	12,00	0,80	94,96	17.927,2	17.927,0	0,2		17.927	
6	Nguyễn Thanh Sơn	Phụ trách quản trị+KTT	5,50	5,18	12,00	1,00	89,02	16.806,7	16.806,0	0,7		16.806	
Cán bộ quản lý													
1	Nguyễn Quốc Trình	TV HĐQT không điều hành	42,58	35,00			49,74	9.390,4	9.390,0	0,4	0,0	9.390	
2	Hoàng Thị Bình	TV HĐQT không điều hành	2,60	2,14	12,00	1,00	25,65	5.167,5	5.167,0	0,5		5.167	
3	Nguyễn Xuân Hồng	TV HĐQT độc lập	2,60	2,14	12,00	1,00	25,65	5.167,5	5.167,0	0,5		5.167	
4	Nguyễn Thị Thu Hằng	TB KS chuyên trách	2,60	2,14	12,00	0,80	20,52	4.134,0	4.134,0	0,0		4.134	
5	Phạm Văn Hiệu	TP TCHC	2,60	2,14	12,00	0,80	20,52	4.134,0	4.134,0	0,0		4.134	
6	Trương Thị Duyên	TP KH-KD	2,60	2,14	12,00	0,80	20,52	4.134,0	4.134,0	0,0		4.134	
7	Lương Quốc Quyền	TP Kế toán	2,60	2,14	6,00	0,80	10,26	2.067,0	2.067,0	0,0		2.067	
8	Nguyễn Văn Quang	GD NM YB	1,73	1,42	12,00	0,80	13,65	2.750,7	2.750,0	0,7		2.750	

TT	Họ, tên	Chức vụ	Hệ số theo vị trí công việc	Tỷ lệ phần phối thường	Số tháng đảm nhận tại vị trí công việc	Hệ số phần phối theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ	Tổng hệ số phần phối	Số cổ phần ESOP phân phối cho từng người	Số cổ phần được nhận theo nguyên tắc làm tròn	Số cổ phần lê sau nguyên tắc làm tròn	Phân phối cổ phần lê	Tổng số cổ phần thực nhận theo ESOP	Ghi chú
			Hi	Mi	Ti	Ci	8=5*6*7	i	10	11=9-	12	13=10+12	
1	2	3	4	5	6	7	8=5*6*7	9	10	11=9-	12	13=10+12	13
9	Đào Quang Thăng	GD NM VC	1,73	1,42	12,00	1,00	17,06	3.438,4	3.438,0	0,4		3.438	
10	Lê Thanh Nghiệp	GD NM MQ + NP	1,73	1,42	12,00	1,00	17,06	3.438,4	3.438,0	0,4		3.438	
11	Tạ Văn Bảo	GD NM MQ	1,73	1,42	9,00	0,50	6,40	1.289,4	1.289,0	0,4		1.289	
12	Phạm Văn Phương	GD NM YH	1,73	1,42	12,00	1,00	17,06	3.438,4	3.438,0	0,4		3.438	
13	Phạm Trung Tâm	GD NM NP + PT	1,73	1,42	7,00	1,00	9,95	2.005,7	2.005,0	0,7		2.005	
14	Nguyễn Văn Hai	PP TCHC	1,00	0,82	12,00	0,80	7,89	1.590,0	1.590,0	0,0		1.590	
15	Lương Quốc Quyền	PP KT	1,00	0,82	6,00	0,80	3,95	795,0	795,0	0,0		795	
16	Dương Ngọc Lâm	PP KT	1,00	0,82	6,00	1,00	4,93	993,8	993,0	0,8		993	
17	Bùi Quốc Tuấn	PP. KH-KD + PGDNMS	1,00	0,82	12,00	1,00	9,86	1.987,5	1.987,0	0,5		1.987	
18	Hà Hải Yến	PP. KH-KD	1,00	0,82	3,00	1,00	2,47	496,9	496,0	0,9		496	
19	Trần Sỹ Lâm	TV Ban KS chuyên trách	1,00	0,82	12,00	0,80	7,89	1.590,0	1.590,0	0,0		1.590	
20	Nguyễn Hồng Quang	PGD NM YB	1,00	0,82	12,00	0,80	7,89	1.590,0	1.590,0	0,0		1.590	
21	Nguyễn Thế Long	PGD NM YH	1,00	0,82	8,00	1,00	6,58	1.325,0	1.325,0	0,0		1.325	
22	Cao Huy Điện	PGD NM MQ	1,00	0,82	12,00	0,80	7,89	1.590,0	1.590,0	0,0		1.590	
23	Phạm Tú Linh	PGD VC	1,00	0,82	12,00	1,00	9,86	1.987,5	1.987,0	0,5		1.987	
24	Nguyễn Đức Quang	PGD NM NP	1,00	0,82	11,00	1,00	9,04	1.821,9	1.821,0	0,9		1.821	
25	Đào Toàn Thắng	PGD NM PT	1,00	0,82	4,00	1,00	3,29	662,5	662,0	0,5		662	
26	Phạm Đình Long	PGD NM SVY	1,00	0,82	12,00	1,00	9,86	1.987,5	1.987,0	0,5		1.987	
27	Vũ Xuân Cường	PGD NM SVY	1,00	0,82	12,00	1,00	9,86	1.987,5	1.987,0	0,5		1.987	
	Tổng cộng		111,58	100,00			987,71	190.681,0	190.669,0	12,0	12,0	190.681	

PHỤ LỤC III
BẢNG TỔNG HỢP SỐ NGƯỜI VÀ SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU THỰC NHẬN CỦA TỪNG NGƯỜI
*(Kèm theo Quy chế phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn
cho người lao động năm 2024)*

TT	Họ, tên	Chức vụ	Tổng số cổ phần thực nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Trương Ngọc Biên	CT HĐQT chuyên trách	36.293	
2	Lê Long Giang	TV HĐQT - Giám đốc CT	25.610	
3	Nguyễn Huy Thông	PGĐ CT	17.927	
4	Nguyễn Văn Trữ	PGĐ CT	17.927	
5	Hà Hải Yến	PGĐ CT	17.302	
6	Nguyễn Thanh Sơn	Phụ trách quản trị+KTT	9.390	
7	Nguyễn Quốc Trinh	TV HĐQT không điều hành	5.167	
8	Hoàng Thị Bình	TV HĐQT không điều hành	5.167	
9	Nguyễn Xuân Hồng	TV HĐQT độc lập	5.167	
10	Nguyễn Thị Thu Hằng	TB KS chuyên trách	4.134	
11	Phạm Văn Hiệu	TP TCHC	4.134	
12	Trương Thị Duyên	TP KH-KD	4.134	
13	Lương Quốc Quyền	TP Kế toán	2.862	
14	Nguyễn Văn Quang	GD NM YB	2.750	
15	Đào Quang Thắng	GD NM VC	3.438	
16	Lê Thanh Nghiệp	GD NM MQ + NP	3.438	
17	Tạ Văn Bảo	GD NM MQ	1.289	
18	Phạm Văn Phương	GD NM YH	3.438	
19	Phạm Trung Tâm	GD NM NP + PT	2.005	
20	Nguyễn Văn Hải	PP TCHC	1.590	
21	Dương Ngọc Lâm	PP KT	993	
22	Bùi Quốc Tuấn	PP. KH-KD + PGĐNMS	1.987	
23	Trần Sỹ Lâm	TV Ban KS chuyên trách	1.590	
24	Nguyễn Hồng Quang	PGĐ NM YB	1.590	
25	Nguyễn Thế Long	PGĐ NM YH	1.325	
26	Cao Huy Điện	PGĐ NM MQ	1.590	
27	Phạm Tú Linh	PGĐ NM VC	1.987	
28	Nguyễn Đức Quang	PGĐ NM NP	1.821	
29	Đào Toàn Thắng	PGĐ NM PT	662	
30	Phạm Đình Long	PGĐ NM SVY	1.987	
31	Vũ Xuân Cường	PGĐ NM SVY	1.987	
	Tổng cộng		190.681	